

BIỂU PHÍ NĂM HỌC 2024 – 2025

LIST OF CHARGES AND FEES FOR THE SCHOOL YEAR 2024 – 2025

Đơn vị tính / Unit: VND

Các khoản phí bắt buộc / Compulsory fees:

1. Học phí / Tuition fee:

1.1. Học phí Chương trình Quốc tế Bang Tây Úc – Tích hợp bán phần:
Tuition fee for Western Australian Curriculum – Partial Integrated Program:

Cấp lớp Year level	Học phí năm học Tuition fee	Phương án đóng học phí / Payment methods			
		Đóng 1 lần/năm học trước 10/01/2024 Annual Payment before Jan 10 th , 2024 (Đã giảm / Discounted 15%)	Đóng 1 lần/năm học trước 30/06/2024 Annual Payment before June 30 th , 2024 (Đã giảm / Discounted 5%)	Đóng 2 lần/năm học Semester Payment (Đã giảm / Discounted 3%)	Đóng 4 lần/năm học Termly Payment
1	138,122,000	117,404,000	131,216,000	66,989,000	34,531,000
2	138,122,000	117,404,000	131,216,000	66,989,000	34,531,000
3	148,280,000	126,038,000	140,866,000	71,916,000	37,070,000
4	148,280,000	126,038,000	140,866,000	71,916,000	37,070,000
5	162,496,000	138,122,000	154,371,000	78,811,000	40,624,000
6	170,384,000	144,826,000	161,865,000	82,636,000	42,596,000
7	170,384,000	144,826,000	161,865,000	82,636,000	42,596,000
8	182,458,000	155,089,000	173,335,000	88,492,000	45,615,000
9	182,458,000	155,089,000	173,335,000	88,492,000	45,615,000
10	199,899,000	169,914,000	189,904,000	96,951,000	49,975,000
11	231,426,000	196,712,000	219,855,000	112,242,000	57,857,000

1.2. Học phí Chương trình Tích hợp Quốc tế Toàn phần:

Tuition fee for Fully Integrated International Programs:

Cấp lớp Year level	Học phí năm học Tuition fee	Phương án đóng học phí / Payment methods			
		Đóng 1 lần/năm học trước 10/01/2024 Annual Payment before Jan 10 th , 2024 (Đã giảm / Discounted 15%)	Đóng 1 lần/năm học trước 30/06/2024 Annual Payment before June 30 th , 2024 (Đã giảm / Discounted 5%)	Đóng 2 lần/năm học Semester Payment (Đã giảm / Discounted 3%)	Đóng 4 lần/năm học Termly Payment
IWAP-1	289,341,000	245,940,000	274,874,000	140,330,000	72,335,000
IWAP-2	289,341,000	245,940,000	274,874,000	140,330,000	72,335,000
IWAP-3	302,200,000	256,870,000	287,090,000	146,567,000	75,550,000
IWAP-4	302,200,000	256,870,000	287,090,000	146,567,000	75,550,000
IWAP-5	331,134,000	281,464,000	314,577,000	160,600,000	82,784,000
IWAP-6	356,854,000	303,326,000	339,011,000	173,074,000	89,214,000
IWAP-7	356,854,000	303,326,000	339,011,000	173,074,000	89,214,000
IWAP-8	379,358,000	322,454,000	360,390,000	183,989,000	94,840,000
IWAP-9	379,358,000	322,454,000	360,390,000	183,989,000	94,840,000
IWAP-10	375,071,000	318,810,000	356,317,000	181,909,000	93,768,000
WACE-11	385,875,000	327,994,000	366,581,000	187,149,000	96,469,000
IBDP-11	440,633,000	374,538,000	418,601,000	213,707,000	110,158,000

2. Phí nhập học / Admissions fee: 20,000,000

* Phí nhập học chỉ áp dụng với học sinh mới. / Only for new students.

3. Phí cơ sở vật chất / Facility fee: 3,000,000

4. Phí bảo hiểm y tế / Medical insurance fee:

Lớp 1 Year 1	Lớp 2 – 11 Year 2 – 11
851,000	681,000

* Phí bảo hiểm y tế được tạm tính dựa trên mức lương cơ sở điều chỉnh là 1.800.000 VND. Phí bảo hiểm y tế có thể được điều chỉnh khi chính sách của cơ quan bảo hiểm y tế thay đổi.

* Medical fee is provisional based on an adjusted base salary of 1.800.000 VND. Medical fee may be adjusted as the health insurance agency's policy changes.

5. Phí học phẩm / Stationery fee:

Chương trình Quốc tế Bang Tây Úc - Tích hợp bán phần Western Australian Curriculum – Partial Integrated Program		Chương trình Tích hợp Quốc tế Toàn phần Fully Integrated International Programs		
Lớp 1 – 9 Year 1 – 9	Lớp 10 – 11 Year 10 – 11	Lớp 1 – 9 Year 1 – 9	Lớp 10 – WACE-11 Year 10 – WACE-11	IBDP-11
3,500,000	3,800,000	3,500,000	3,800,000	3,500,000

6. Phí thi NAPLAN (Chỉ áp dụng cho khối 3, 5, 7, 9) / NAPLAN fee (Only applied for Year 3, 5, 7, 9): 1,700,000

Các khoản phí lựa chọn / Optional fees:

1. Dịch vụ suất ăn / Meal service:

Cấp lớp Year level	Phương thức đóng phí / Payment methods		
	Đóng 1 lần/năm học Annual Payment	Đóng 2 lần/năm học Semester Payment	Đóng 4 lần/năm học Termly Payment
Lớp 1 – Lớp 5 Year 1 – Year 5	32,574,000	16,287,000	8,144,000
Lớp 6 – Lớp 11 Year 6 – Year 11	35,319,000	17,660,000	8,830,000

2. Giáo trình / Textbook:

Lớp Year	Chương trình Quốc tế Bang Tây Úc - Tích hợp bán phần Western Australian Curriculum - Partial Integrated Program	Chương trình Tích hợp Quốc tế Toàn phần Fully Integrated International Programs
Lớp 1 – 6 Year 1 – 6	3,675,000	5,355,000
Lớp 7 – 9 Year 7 – 9	5,250,000	6,825,000
Lớp 10 Year 10		6,825,000
WACE-11		15,000,000
IBDP-11		20,000,000

* Chỉ bao gồm giáo trình Chương trình Bang Tây Úc.

* Only included the textbooks for Western Australian Program.

3. Đồng phục / Uniform:

Lớp Year	Áo thể dục Sport T-shirt	Áo đi học Uniform T-shirt	Quần/Váy đi học Shorts/Skirt	Quần ngắn thể dục Sport shorts
Lớp 1 – 5 Year 1 – 5	260,000	285,000	285,000	260,000
Lớp 6 – 9 Year 6 – 9	280,000	300,000	300,000	280,000
Lớp 10 – 11 Year 10 – 11	310,000	330,000	330,000	310,000

4. Dịch vụ xe đưa rước / Bus service:

Khoảng cách <i>Distance</i>	Đóng 1 lần/năm học <i>Annual Payment</i>		Đóng 2 lần/năm học <i>Semester Payment</i>		Đóng 4 lần/năm học <i>Termly Payment</i>	
	1 chiều <i>One way</i>	2 chiều <i>Round trip</i>	1 chiều <i>One way</i>	2 chiều <i>Round trip</i>	1 chiều <i>One way</i>	2 chiều <i>Round trip</i>
0,5 – 1km	15,888,000	22,704,000	7,944,000	11,352,000	3,972,000	5,676,000
1 < x < 2km	19,104,000	27,264,000	9,552,000	13,632,000	4,776,000	6,816,000
2 – 3,5km	22,272,000	31,776,000	11,136,000	15,888,000	5,568,000	7,944,000
3,5 < x < 4,5km	25,968,000	37,056,000	12,984,000	18,528,000	6,492,000	9,264,000
4,5 – 6km	29,664,000	42,432,000	14,832,000	21,216,000	7,416,000	10,608,000
6 < x < 7km	31,776,000	45,408,000	15,888,000	22,704,000	7,944,000	11,352,000
7 – 8km	33,936,000	48,480,000	16,968,000	24,240,000	8,484,000	12,120,000
8 < x < 9km	38,160,000	54,528,000	19,080,000	27,264,000	9,540,000	13,632,000
9 – 10km	42,432,000	60,576,000	21,216,000	30,288,000	10,608,000	15,144,000
10 < x < 11km	45,072,000	64,320,000	22,536,000	32,160,000	11,268,000	16,080,000
11 – 12km	47,760,000	68,112,000	23,880,000	34,056,000	11,940,000	17,028,000
12 < x < 13,5km	50,352,000	71,952,000	25,176,000	35,976,000	12,588,000	17,988,000
13,5 – 15km	53,040,000	75,744,000	26,520,000	37,872,000	13,260,000	18,936,000
15 < x < 16,5km	55,632,000	79,488,000	27,816,000	39,744,000	13,908,000	19,872,000
16,5 – 18km	58,320,000	83,280,000	29,160,000	41,640,000	14,580,000	20,820,000
18 < x < 23km	60,912,000	87,072,000	30,456,000	43,536,000	15,228,000	21,768,000
23 – 25km	63,600,000	90,864,000	31,800,000	45,432,000	15,900,000	22,716,000

CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024 – 2025

THE SCHOOL YEAR 2024 – 2025 CHARGES AND FEES POLICY

Chính sách phí và học phí dưới đây được áp dụng dành cho học sinh ghi danh và tái ghi danh năm học 2024 – 2025 tại các cơ sở thuộc Hệ thống Trường Tây Úc (sau đây được viết tắt là WASS hoặc “Nhà trường”) bao gồm Trường Tiểu học, Trung học cơ sở Tây Úc và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tây Úc.

The charges and fees policy below is applied for students enrolling and re-enrolling in the school year 2024 – 2025 at The Western Australian International School System (hereinafter referred to as WASS or “School”) including The Western Australian Primary, Middle and The Western Australian Primary, Middle and High School.

1. Quy định về tái ghi danh / Re-enrollment policy:

- Để đảm bảo cho việc giữ chỗ trong năm học 2024 – 2025 cũng như hỗ trợ công tác sắp xếp chu đáo về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, các trang thiết bị, phương tiện dạy và học phục vụ cho việc học tập của học sinh, Phụ huynh cần hoàn tất Phiếu đăng ký tái ghi danh gửi về cho Nhà trường trước ngày 31/03/2024 và hoàn tất các khoản phí bắt buộc (học phí, phí học phẩm, phí cơ sở vật chất, phí bảo hiểm y tế, phí NAPLAN) trước ngày 30/06/2024. Sau khoảng thời gian này, Nhà trường có quyền từ chối việc nhập học của học sinh trong năm học 2024 – 2025.

To ensure the reservation in the school year 2024 – 2025 and have a good arrangement of facilities, teachers, equipment, teaching and learning facilities, Parents need to complete the Re-enrollment Form and send it back to the School Office before March 31st, 2024 and complete the required fees (tuition, stationery, facility, medical and NAPLAN fees) before June 30th, 2024. After this period, the School reserves the right to refuse the admission of students for the school year 2024 – 2025.

2. Chính sách ưu đãi và miễn giảm / Discount policy:

2.1. Ưu đãi thanh toán học phí sớm / Early birds:

- Học sinh đang theo học năm học 2023-2024 được áp dụng mức ưu đãi 15% học phí khi hoàn tất hồ sơ tái ghi danh và thanh toán học phí năm học 2024-2025 một lần cùng các khoản phí bắt buộc trước ngày 10/01/2024. Chính sách này không áp dụng đồng thời với các chính sách ưu đãi thường niên, chính sách đối tác và chính sách con của cán bộ nhân viên RT Holdings.

A discount of 15% on tuition fee applies to students currently studying in the academic year 2023-2024 who submit the re-enrollment application for the academic year 2024-2025 and complete the tuition and compulsory fees through a one-time payment before January 10th, 2024. This policy is not applied in conjunction with the annual incentive policies, partner policies and child policies of RT Holdings staff.

- Ưu đãi đóng học phí sớm giảm 5% chỉ áp dụng dành cho học sinh hoàn tất hồ sơ tái ghi danh trước ngày 31/03/2024, hoàn tất học phí và các khoản phí bắt buộc theo hình thức thanh toán 1 lần trước ngày 30/06/2024.

A discount of 5% on early tuition payments only applies to students who submit the re-enrollment application before March 31st, 2024 and complete the tuition and compulsory fees through a one-time payment before June 30th, 2024.

- Ưu đãi đóng học phí sớm giảm 3% chỉ áp dụng cho học sinh khi hoàn tất hồ sơ tái ghi danh trước ngày 31/03/2024, hoàn tất học phí và các khoản phí bắt buộc theo hình thức thanh toán 2 lần/năm học. Lần 1 trước ngày 30/06/2024 và lần 2 trước ngày 06/12/2024.

A discount of 3% on early tuition payments only applies to students who submit the re-enrollment application before March 31st, 2024 and complete the payment of tuition and compulsory fees before June 30, 2024 for semester 1 and before December 6th, 2024 for semester 2.

2.2. Chính sách anh, chị, em / Sibling policy:

- Giảm 5% học phí cho mỗi học sinh khi Phụ huynh có 2 con (anh, chị, em ruột) cùng học tại WASS.

5% discount for each student when Parents have 2 children (siblings) studying at WASS.

- Giảm 10% học phí cho mỗi học sinh khi Phụ huynh có từ 3 con trở lên (anh, chị, em ruột) cùng học tại WASS.

10% discount for each student when Parents have more than 3 children (siblings) studying at WASS.

- Mức ưu đãi chỉ áp dụng bắt đầu tại thời điểm học sinh có anh, chị, em ruột đăng ký ghi danh và hoàn tất học phí. Trong trường hợp học sinh nhập học sau khai giảng, mức ưu đãi giảm học phí cho các học sinh học tại trường sẽ được áp dụng kể từ đợt học phí tiếp theo.
The policy is only applied while the student has siblings enrolled in WASS and all tuition fees have been paid in full. If a student begins his/her studies at the School after a semester has started, the discounted tuition fees for all these students will be applied for the next term payment.

- Trong trường hợp anh/chị/em học sinh dừng học tại WASS, các khoản ưu đãi sẽ được điều chỉnh và Phụ huynh có trách nhiệm nộp bổ sung phần phí ưu đãi đã được khấu trừ trước đó.
In case a student withdraws from WASS, the discount will be modified and the Parents are responsible for additionally paying the previously deducted concession fee.

- Chính sách anh, chị, em ruột không áp dụng đồng thời với những trường hợp học sinh đã nhận các chính sách ưu đãi học phí thường niên khác.
The sibling policy is not applied simultaneously with other annual fee discount policies.

3. Phí nhập học / Admissions fee:

- Phí nhập học là khoản phí áp dụng cho học sinh mới, đóng một lần khi nhập học và không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào. Phí nhập học được miễn dành cho học sinh tái ghi danh trong vòng 2 năm học kể từ khi nghỉ học tại Hệ thống Trường Tây Úc (WASS).
The admissions fee is non-refundable in any case, applicable to new students and only paid once upon first admission. Admissions fee is waived for students who re-enroll within 2 school years of leaving WASS.

4. Học phí / Tuition fee:

- Học phí năm học 2024 – 2025 áp dụng cho 183 ngày học (tương đương với 38 tuần, không bao gồm Tuần nghỉ Đông, Tết Nguyên Đán và tuần lễ Định hướng).
Tuition fee for school year 2024 – 2025 is applied for 183 school days (equivalent to 38 weeks, excluding Winter Holidays, Lunar New Year Holidays and Orientation Weeks).

4.1. Thời hạn thanh toán / Payment timeline:

- Quý Phụ huynh có thể thanh toán học phí năm học 2024 – 2025 theo hình thức: 1 lần/năm học, 2 lần/năm học (thanh toán theo từng học kỳ) hoặc 4 lần/năm học (theo từng kỳ học). Thời hạn thanh toán học phí như sau:
Parents can pay the tuition fee divided into full payment, 2 installments (per semester) or 4 installments (per term). Payment timeline is as details:

Đóng 1 lần/năm học Full payment	Đóng 2 lần/năm học 2 installments	Đóng 4 lần/năm học 4 installments
Trước / Before 10/01/2024	Lần 1 / 1 st installment: Trước / Before 30/06/2024	Lần 1 / 1 st installment: Trước / Before 30/06/2024
		Lần 2 / 2 nd installment: Trước / Before 04/10/2024
Trước / Before 30/06/2024	Lần 2 / 2 nd installment: Trước / Before 06/12/2024	Lần 3 / 3 rd installment: Trước / Before 06/12/2024
		Lần 4 / 4 th installment: Trước / Before 07/03/2025

- Trường hợp Phụ huynh không hoàn tất nghĩa vụ về tài chính, Nhà trường có quyền không xếp lớp và tạm ngưng cung cấp dịch vụ cho học sinh. Phụ huynh cần hiểu rõ trách nhiệm hoàn tất phí và học phí cũng như thời điểm thanh toán được nêu trong biểu phí này và được thông báo trên Cổng thông tin Phụ huynh SPS360. Việc thông báo qua điện thoại hoặc email vì một lý do nào đó không đến được với Phụ huynh sẽ không làm trì hoãn trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ về phí và học phí theo quy định.

In case Parents do not fulfill their financial obligations, the School has the right to refuse to assign classes and stop providing services to students. Parents are expected to understand their responsibility for paying off all tuition fees and the deadlines of payment as outlined in this fee plan, which is also available on the SPS360 Parent Portal. If the announcement sent by phone or email cannot reach the Parents, they will not put off paying their responsibilities for fees and tuition in the manner specified.

4.2. Thanh toán học phí trễ / Late payment:

- Học phí phải được hoàn tất trước thời hạn đóng phí. Đối với trường hợp thanh toán phí trễ hạn: Sau 10 ngày làm việc kể từ thời hạn đóng phí, Nhà trường sẽ áp dụng mức phí chậm thanh toán là 0.2%/ngày đối với những khoản phí thanh toán chậm. Trong trường hợp học phí được áp dụng ưu đãi trước đó, học phí sẽ trở về mức học phí chuẩn không còn áp dụng ưu đãi.

Tuition fees must be paid before the due date. After 10 working days from the payment deadline, late payment of fees will result in an additional charge of 0.2% for each working day. In the case where a previous discount on tuition fees was applied, the tuition fees will return to the regular, non-discounted level.

- Sau 30 ngày làm việc kể từ thời hạn đóng học phí, nếu các khoản phí vẫn chưa được thanh toán đầy đủ, Nhà trường có toàn quyền giữ lại các bằng điểm, học bạ và ngừng cung cấp dịch vụ học tập cho học sinh cho đến khi nhận được đầy đủ học phí và phí chậm thanh toán học phí của 30 ngày làm việc này.

If the fees remain unpaid after the following 30 days, the School reserves the right to withhold school reports and/or academic transcripts and terminate its service provision to the concerned student until all overdue fees are received by the School.

- Trong trường hợp học sinh nghỉ học luôn sau thời gian này, Phụ huynh vẫn có trách nhiệm hoàn tất các khoản phí tồn đọng cho Nhà trường.

In the event that the concerned student withdraws from the School after this period, Parents will still be liable to pay all the outstanding fees owed to the School.

4.3. Nhập học trễ / Late enrollment:

- Học sinh nhập học sau khai giảng, biểu phí sẽ tính như sau:

The fee schedule for students who enroll lately will be calculated as follows:

Thời điểm nhập học / Enrollment date			Tỷ lệ thanh toán / Payment rate
Lần 1 / 1 st payment	Lần 2 / 2 nd payment	Lần 3 / 3 rd payment	
19/08/2024 – 13/09/2024	21/10/2024 – 15/11/2024	23/12/2024 – 17/01/2025	100%
16/09/2024 – 04/10/2024	18/11/2024 – 06/12/2024	20/01/2025 – 28/02/2025	75%
07/10/2024 – 18/10/2024	09/12/2024 – 20/12/2024	03/03/2025 – 21/03/2025	55%

- Phí ăn và phí xe đưa rước dành cho học sinh nhập học trễ tính theo đơn giá ngày và trọn tuần.

Meal and school bus service fees for students who enroll lately during the week will be required to pay for a full week as fees will be calculated on a daily or full-week basis.

5. Phí cơ sở vật chất / Facility fee:

- Phí cơ sở vật chất là khoản phí thường niên áp dụng cho tất cả các học sinh. Khoản phí này được dùng để duy trì, bảo dưỡng và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường. Học sinh nhập học học kỳ 2 đóng 60% mức phí của cả năm.

The facility fee, which is an annual fee applied to all students, is non-refundable under all circumstances. This fee is used to maintain and develop school facilities. Students entering semester 2 pay 60% of the fee for the whole year.

- Phí cơ sở vật chất không được hoàn hay chuyển nhượng lại trong mọi trường hợp.

Facility fee is not refundable or transferred under any circumstances.

6. Phí học phẩm / Stationery fee:

- Là chi phí thường niên, áp dụng với tất cả các học sinh cũ và mới. Đây là chi phí để trang bị các học phẩm, dụng cụ, hoạt động mang tính chất đặc thù của các môn học, phần mềm hỗ trợ học tập, in ấn tài liệu phục vụ cho dự án học tập của học sinh. Phí học phẩm không bao gồm tiền sách vở và đồ dùng học tập của cá nhân học sinh. Học sinh nhập học học kỳ 2 đóng 60% mức phí của cả năm.

It is an annual fee and applicable to all students. This is the cost to equip learning materials, specific tools of the subjects, learning support software, and printing documents for students' learning projects. The stationery fee does not include textbook fee. Students entering semester 2 pay 60% of the fee for the whole year.

- Phí học phẩm không được chuyển nhượng hoặc hoàn lại trong trường hợp Phụ huynh rút hồ sơ kể từ ngày nhập học.
The stationery fee is non-refundable or transferred in case that Parents withdraw the application from the date of admission.

7. Bảo hiểm y tế / Health insurance:

- Việc tham gia Bảo hiểm y tế là bắt buộc đối với toàn bộ học sinh từ Khối 1 đến Khối 12, ngoại trừ những trường hợp học sinh là con của quân nhân đã được cấp BHYT bắt buộc hoặc các đối tượng chính sách theo quy định của Luật BHYT. Trong trường hợp này, Phụ huynh vui lòng gửi bản photo/hình chụp BHYT đến Văn phòng Nhà trường.
Participation in health insurance is compulsory for all students at WASS from Year 1 to Year 12, except for cases whose students are children of military personnel who have been provided with compulsory health insurance as the Health Insurance Law. In this case, please send a photocopy/photograph of health insurance to the School Office.

- Phí bảo hiểm y tế đang được tạm tính dựa trên mức lương cơ sở điều chỉnh là 1,800,000 VND, phí trên có thể được điều chỉnh khi chính sách của cơ quan bảo hiểm y tế thay đổi.
The medical fee is temporarily calculated based on the adjusted base salary of 1.800.000 VND, the above fee may be adjusted when the policy of the health insurance agency changes.

8. Phí ăn / Meal fee:

- Phí ăn được tạm tính trên 183 ngày học tại trường. Trong trường hợp lịch học có thay đổi hoặc Phụ huynh cắt dịch vụ suất ăn, Nhà trường sẽ hoàn lại các phí ăn còn dư (nếu có) vào cuối năm học.
Meal fee is temporarily calculated on 183 school days. In the event that the school schedule changes or the Parents cancel the meal service, the School will refund the remaining meal fee (if any) at the end of the school year.

- Học sinh nhập học sau ngày khai giảng hoặc đăng ký dịch vụ suất ăn bổ sung sẽ đóng theo đơn vị trọn tuần (Phí ăn phải được hoàn tất trước 3 ngày sử dụng dịch vụ).
Students who enroll after the school day or register for additional meal service will pay for the whole week (Meal fee must be completed 3 days before using the service).

- Học sinh không đăng ký ăn sáng sẽ được giảm trừ 22% đơn giá tiền ăn, học sinh không đăng ký ăn xế sẽ được giảm trừ 15% trên đơn giá tiền ăn. Học sinh có thể đăng ký suất ăn theo hình thức như sau: Chỉ bữa trưa, sáng – trưa, trưa – xế hoặc 3 bữa.
Students who do not register breakfast will be deducted 22% of the meal price, students who do not use snack will receive a 15% discount. Students can register for meals as follows: Lunch only, breakfast – lunch, lunch – snack or full meals.

- Đối với học sinh không ăn bữa sáng, bữa xế hoặc 3 bữa hoặc tạm ngưng dịch vụ suất ăn tại trường, Phụ huynh vui lòng điền mẫu đơn “Ngưng sử dụng dịch vụ” qua Cổng thông tin Phụ huynh SPS360 ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày sử dụng/hủy dịch vụ. Việc đăng ký không ăn phải được áp dụng cho trọn đợt thanh toán.
For students who do not register for breakfast, snack or full meals or suspend meal service at school, please fill out the “Service cancellation form” on the SPS360 Parent Portal at least 7 working days before the date of service use/cancellation. Registration for no meals or cancellation must be applied to the full payment.

- Với trường hợp học sinh nghỉ học từ 5 ngày trở lên: Quý Phụ huynh vui lòng gửi đơn nghỉ học qua email schooloffice@wass.edu.vn hoặc Cổng thông tin Phụ huynh SPS360 trước ít nhất 7 ngày kể từ ngày học sinh nghỉ học (bao gồm các trường hợp nghỉ bệnh cần điều trị dài hạn, nghỉ vì các lý do cá nhân có sự đồng ý của Ban Giám hiệu, bảo lưu, thôi học, chuyển trường). Trong trường hợp này, Nhà trường sẽ hoàn lại 100% phí ăn tính theo đơn vị trọn ngày.
In case a student is absent from school for 5 days or more: Parents should submit a leave application via schooloffice@wass.edu.vn or the SPS360 Parent Portal at least 7 days before the student’s absence from class (including long-term sick leave or other reasons). In this case, the School will refund 100% of meal fee.

- Với trường hợp học sinh nghỉ học dưới 5 ngày: Nhà trường không hoàn phí ăn.
In case a student is absent from school less than 5 days: the meal fee is non-refundable.

- Suất ăn đã đăng ký chỉ được hủy hoặc điều chỉnh cho đợt học kế tiếp. Phụ huynh có nhu cầu hủy dịch vụ suất ăn hoặc điều chỉnh suất ăn cần phải thông báo đến Văn phòng Nhà trường qua email hoặc Cổng thông tin Phụ huynh SPS360 trước ít nhất 7 ngày trước khi đợt học tiếp theo bắt đầu.

Registered meals may only be canceled or rescheduled for the following class. Parents who want to cancel or adjust their child's meal must notify the School Office via email or the SPS360 Parent Portal at least 7 days before the next school session begins.

- Với những học sinh không đăng ký suất ăn sáng hoặc/và suất ăn xế, mức hoàn trả/ngày sẽ trừ đi tương ứng 22% hoặc/và 15%.
In case the student does not register for breakfast and/or snack, the refund will be deducted 22% or/and 15% respectively.

9. Phí xe đưa rước / Bus service fee:

- Phí xe đưa rước là phí lựa chọn thêm căn cứ vào nhu cầu của Phụ huynh và khả năng đáp ứng của Nhà trường trong từng năm học. Dịch vụ xe đưa rước chỉ được đảm bảo khi Phụ huynh đã hoàn tất phí xe đưa rước và Nhà trường đã sắp xếp được tuyến xe phù hợp với đăng ký của học sinh.

Bus service fee is an optional extra fee based on the needs of Parents and the ability of the School. Bus service is only guaranteed when the Parents have completed the bus service fee and the School has arranged a suitable bus route with the student's registration.

- Xe đưa rước hoạt động từ thứ 2 đến thứ 6. Trong các ngày Nhà trường tổ chức hoạt động học tập thực tế, kỳ nghỉ đông, nghỉ lễ theo quy định Nhà nước, nghỉ tết Âm lịch, dịch vụ xe đưa rước sẽ không hoạt động và phí xe đưa rước đã được trừ ra những ngày này. Do đó, phí xe đưa rước sẽ không được hoàn lại trong các trường hợp trên.

School bus operates from Monday to Friday. During the days when the School organizes practical learning activities, winter break, public holidays according to State regulations, Lunar New Year holidays, school bus service will not be provided and the bus service fee will be deducted these days. Therefore, the bus service fee will not be refunded in the above cases.

- Học sinh có 2 anh, chị, em ruột/họ hàng trở lên sử dụng xe đưa rước đón tại cùng 1 địa chỉ, mỗi học sinh được giảm 10%.

If students with more than 2 siblings/relatives use the school bus at the same address, each student will receive a 10% discount.

- Khi học sinh có nhu cầu đăng ký mới/thay đổi hình thức/thay đổi địa điểm đón, trả, học sinh cần phải đăng ký thông tin với Văn phòng Nhà trường hoặc đăng ký qua Cổng thông tin Phụ huynh SPS360 trước 15 ngày và hoàn thành các khoản phí bổ sung (nếu có).

Students who register for a new/change form/change pick-up and drop-off locations need to register information with the School Office or register through the SPS360 Parent Portal 15 days in advance and complete additional fees (if applicable).

- Học sinh nhập học sau ngày khai giảng hoặc đăng ký dịch vụ xe đưa rước bổ sung, Phụ huynh vui lòng thông báo đến Văn phòng ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày sử dụng và đóng theo đơn vị trọn tuần (từ thứ 2 đến thứ 6) (Phí xe đưa rước phải được hoàn tất trước 3 ngày sử dụng dịch vụ).

Students who enroll after the school day or register for the additional bus service must notify to the School Office before 7 days of using service and will pay for the whole week in units (Monday to Friday) (Bus service fee must be completed 3 days before using the service).

- Đối với trường hợp ngưng sử dụng dịch vụ xe đưa rước: Phụ huynh có trách nhiệm hoàn tất mẫu Đơn ngưng sử dụng dịch vụ trên Cổng thông tin Phụ huynh SPS360 trước ít nhất 15 ngày làm việc tính từ ngày cuối cùng sử dụng dịch vụ tại trường. Phí xe đưa rước được hoàn trả theo đơn vị trọn tuần (từ thứ 2 đến thứ 6).

In case of discontinuation of bus service: Parents are responsible for completing the Discontinuation Form on the SPS360 Parent Portal application at least 15 working days before the last day of using the service. Bus service fee is refundable per unit for the whole week (Monday to Friday).

* Các phí và học phí hoàn lại trong các trường hợp 8 và 9 sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của năm học.

Refundable fees in cases of number 8 and 9 will be paid by bank transfer within 30 days from the last day of the school year.

10. Hoàn phí khi học sinh xin thôi học / Withdrawal and refund policy:

10.1. Trước ngày nhập học / Before admission date:

- Học phí: 10% học phí thuần sẽ không được hoàn lại cho các trường hợp rút học phí trước ngày nhập học.

10% of net tuition fee will not be refunded for cases of withdrawal before the date of admission.

- Các khoản phí khác (không bao gồm phí ghi danh): Hoàn trả 100% các khoản đã thanh toán. Trong trường hợp Phụ huynh chọn hình thức thanh toán qua Cổng thanh toán trực tuyến trên Cổng thông tin Phụ huynh SPS360, khoản hoàn lại sẽ trừ đi khoản phí dịch vụ thanh toán thu bởi đơn vị cung cấp là 1,5%.

Other fees (except admissions fee): 100% refund of the payments. In the case where Parents choose to make payment through the online payment gateway on the SPS360 Parent Portal, the refund amount will be deducted by the payment service fee charged by the service provider, which is 1.5%.

- Điều kiện hoàn phí: Phụ huynh phải gửi thông báo bằng văn bản đến Văn phòng Nhà trường tối thiểu 30 ngày trước ngày nhập học của học sinh nhằm đảm bảo chính sách hoàn trả học phí được áp dụng theo quy định.

Refund condition: Parents must provide written notice to the School Office at least 30 days prior to the student's enrollment date to ensure that the refund policy is valid.

10.2. Từ sau ngày nhập học / After the date of admission:

- Việc hoàn trả học phí chỉ áp dụng cho phương thức đóng học phí 1 lần/năm học hoặc 2 lần/năm học. Tỷ lệ hoàn tiền được tính theo ngày học cuối của học sinh.

The refund policy of tuition fees is only applied to full payment and 2 installments. The refund rate is based on the student's last day at the School.

Ngày học cuối / Last day	Tỷ lệ hoàn trả học phí / Refund rate	
	Đóng 1 lần / Full payment	Đóng 2 lần / 2 installments
Trước / Before 18/10/2024	75%	50% phí đóng lần 1 / 50% of the 1 st installment
21/10/2024 – 20/12/2024	50%	Không hoàn trả / Non-refundable
23/12/2024 – 21/03/2025	25%	50% phí đóng lần 2 / 50% of the 2 nd installment
Sau / After 25/03/2025	Không hoàn trả / Non-refundable	Không hoàn trả / Non-refundable

- Các khoản phí khác được hoàn lại như sau / Other fees are refunded as below:

- + Phí ăn / Meal fee: Hoàn trả theo hình thức trọn tuần / Per week.
- + Phí đưa rước / Bus service fee: Hoàn trả theo hình thức trọn tuần / Per week.
- + Phí học tập thực tế / Practical learning program: Không hoàn trả / Non-refundable.
- + Phí y tế / Medical fee: Không hoàn trả / Non-refundable.
- + Phí cơ sở vật chất / Facility fee: Không hoàn trả / Non-refundable.
- + Phí học phẩm / Stationery fee: Không hoàn trả / Non-refundable.
- + Phí nhập học / Admissions fee: Không hoàn trả / Non-refundable.
- + Lệ phí NAPLAN / NAPLAN fee: Không hoàn trả / Non-refundable.

Lưu ý / Notes:

- * Để đủ điều kiện hoàn phí, Phụ huynh phải gửi thông báo bằng văn bản đến Văn phòng Nhà trường tối thiểu 30 ngày trước ngày học cuối của học sinh nhằm đảm bảo chính sách hoàn trả học phí được áp dụng.

Parents must send a notice to the School Office at least 30 days before the last day to ensure that the refund policy is applied.

- * Trong trường hợp Phụ huynh chọn hình thức thanh toán qua Cổng thanh toán trực tuyến trên Cổng thông tin Phụ huynh SPS360, khoản hoàn lại sẽ trừ đi khoản phí dịch vụ thanh toán thu bởi đơn vị cung cấp là 1,5%.

In the case where Parents choose to make payment through the online payment gateway on the SPS360 Parent Portal, the refund amount will be deducted by the payment service fee charged by the service provider, which is 1.5%.

- * Phí và học phí hoàn trả lại sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của học sinh tại trường hoặc Nhà trường nhận được đầy đủ thông tin về tài khoản ngân hàng của Phụ huynh tùy thời điểm nào đến sau.

Refunds of fees and tuition will be paid within 45 working days of the student's last day at school or when the School receives complete bank account information from the Parents, whichever occurs later.

11. Hình thức thanh toán phí và học phí / Payment method:

- Việc thanh toán các khoản phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nhà trường hoặc thông qua Cổng thông tin Phụ huynh SPS360.

Payment can be completed by bank transfer to the School's account or through the SPS360 Parent Portal.

- Phụ huynh vui lòng ghi đầy đủ họ tên, lớp của học sinh và chi tiết khoản phí trên Giấy đề nghị chuyển tiền theo mẫu của ngân hàng. Sau khi thanh toán, Phụ huynh vui lòng email hoặc gửi bản sao Ủy nhiệm chi/Giấy chuyển tiền của ngân hàng theo email: accounting@wass.edu.vn.

Please write down the student's full name, class and fee details on the Bank Transfer Request Form. After payment, please email or send a copy of the Payment Authorization/Bank Transfer to email: accounting@wass.edu.vn.

157 LY CHINH THANG 43 NGUYEN THONG 84 BA HUYEN THANH QUAN	Số tài khoản / Account Number	1027228976
	Chi nhánh Ngân hàng / Bank Branch	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Kỳ Đồng
	Mã ngân hàng / Swift code	BFTVNVX
	Đơn vị thụ hưởng / Beneficiary name	CT CP PT GIAO DUC QUOC TE DONG DUONG

- Chuyển khoản theo nội dung / Details of the payment via bank transfer:

Mã học sinh – Họ và tên học sinh – Số chứng từ thanh toán

Student's code – Student's full name – Bill number

- Phụ huynh có nhu cầu xuất hóa đơn tài chính vui lòng thông báo và điền thông tin theo mẫu của Nhà trường khi thanh toán học phí vào đầu năm học. Nhà trường sẽ gửi hóa đơn cho Phụ huynh vào ngày 27 hàng tháng.

Parents who need to issue a financial invoice, please notify and fill in the information according to the School's form when paying tuition at the beginning of the school year. The School will send invoices to Parents on the 27th of each month.

Về việc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến / About online payment:

- Việc thanh toán trực tuyến được áp dụng cho tất cả các cơ sở của Hệ thống Trường Tây Úc. Phụ huynh vui lòng đọc kỹ các điều khoản, chính sách thanh toán học phí trước khi sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến. Bằng việc thanh toán qua website thanh toán phí trực tuyến và Cổng thông tin Phụ huynh SPS360, Quý Phụ huynh chấp nhận các điều khoản, chính sách học phí và cam kết nhập học năm học 2024 – 2025 của Nhà trường. Nhà trường không chấp nhận hoàn phí đối với những trường hợp đã thực hiện thanh toán thành công nhưng muốn thay đổi sang hình thức thanh toán khác. Vì vậy, rất mong Quý Phụ huynh kiểm tra cẩn thận các thông tin trước khi tiến hành xác nhận và thanh toán trực tuyến.

Online payment is applicable to all WASS campuses. Parents need to carefully read the terms and policies of fee payment before using the online payment service. By paying via the online fee payment website or the SPS360 Parent Portal, Parents accept the School's terms, policy and enrollment commitment for the school year 2024 – 2025. The School does not accept refunds for cases where payment has been successfully made but want to change the payment method. Therefore, we hope that you carefully check the information before proceeding to confirm and pay online.

- Sau khi hoàn thành thanh toán trực tuyến, Quý Phụ huynh sẽ nhận được thư xác nhận thông tin thanh toán thành công thông qua địa chỉ thư điện tử mà Phụ huynh đã cung cấp. Nếu đã thanh toán thành công nhưng chưa nhận được thông tin xác nhận, vui lòng liên lạc lại với Nhà trường thông qua số điện thoại: (028) 7109 5077 hoặc email schooloffice@wass.edu.vn để được hỗ trợ.

After completing the online payment, Parents will receive a confirmation of successful payment information via the email address you provided. If Parents have successfully paid but have not received any confirmation, please contact us again via phone number: (028) 7109 5077 or email schooloffice@wass.edu.vn for more support.

LỊCH NĂM HỌC 2024 - 2025

SCHOOL YEAR 2024 - 2025 CALENDAR

Sự kiện học thuật / Academic events Ngày lễ, Tết / Holidays Hoạt động trường học / School activities

THÁNG 07 / JULY 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

24th: Tư vấn phân ban cho học sinh Khối 10 - Chương trình Tích hợp bán phần / Division consulting for Year 10 students - Partial Integrated Program

Tư vấn chọn môn cho học sinh Lớp IBDP 11 / Subject Selection Counseling for Year 11 IBDP Students

29th: Công bố danh sách các lớp phân ban Khối Phổ thông năm học 2024 - 2025 / Academic Year 2024 - 2025 Classes Announcement for High School

THÁNG 08 / AUGUST 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

5th - 6th: Nhập học Lớp WACE 12 / WACE 12 commencement

Nhập học Lớp IBDP 12 / IBDP 12 commencement

Nhập học Lớp 12 - Chương trình Tích hợp bán phần / Year 12 commencement - Partial Integrated Program

14th - 16th: Họp Phụ huynh học sinh Chương trình Quốc tế Bang Tây Úc - Tích hợp bán phần và Chương trình Quốc tế Bang Tây Úc - Tích hợp toàn phần (K - 10) / Parent - Teacher Conferences WA K-10 International and Western Australian Curriculum - Partial Integrated Program

19th: Nhập học các cơ sở / School year commencement

Kick-off đầu năm học / School year Kick-off

THÁNG 09 / SEPTEMBER 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30						

2nd: Lễ Quốc khánh / Independence Day

17th: Lễ Trung thu / Mid-Autumn festival

21st: Ngày Quốc tế Hòa bình / Peace Day

THÁNG 10 / October 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

7th - 11th: Thi giữa Học kỳ I - Chương trình MoET / Mid-semester I exam - MoET Program

14th - 18th: Tuần lễ sách / Book Week

20th: Ngày Phụ nữ Việt Nam / Vietnamese Women's Day

24th: Ngày hội Liên hợp Quốc / United Nations Day/Fiesta

31st: Lễ hội Halloween / Halloween

THÁNG 11 / NOVEMBER 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

20th: Nhà giáo Việt Nam / Vietnamese Teacher's Day

27th: 100 ngày đầu tiên đi học / First 100 days of school

THÁNG 12 / DECEMBER 2024

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

2nd - 6th: Chuỗi hoạt động Giáng sinh - chợ phiên / Christmas activities (Christmas Fair)

2nd - 13th: Cuộc thi vẽ tranh Tết / Tet Drawing Contest

9th - 13th: Thi Học kỳ I - Chương trình Bang Tây Úc / End of Semester I exam - WA Program

18th - 29th: Thi cuối Học kỳ I - Chương trình MoET / End of Semester I exam - MoET Program

25th - 31st: Nghỉ Đông / Winter break

THÁNG 01 / JANUARY 2025

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1st: Tết Dương lịch / New Year's Eve

6th - 10th: Hoạt động House System - International Festival: Day Camp & Sport Week WASS - PENN / House System - International Festival: Day Camp & Sport Week WASS - PENN

13th - 17th: Tuần lễ chuyển tiếp / Transition Week

24th: Lễ hội Mùa Xuân / Spring Festival

27th - 31st: Tết Nguyên đán / Tet Holiday

THÁNG 02 / FEBRUARY 2025

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28		

1st - 7th: Tết Nguyên đán / Tet Holiday

10th: Học sinh quay lại trường / Back to school

17th - 21st: Cuộc thi VieoEdu Arena (Khối Tiểu học) / VieoEdu Arena (Primary students)

THÁNG 03 / MARCH 2025

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

8th: Ngày Quốc tế Phụ nữ / International Women's Day

10th - 14th: Thi giữa Học kỳ II - Chương trình MoET / Mid-semester II exam - MoET Program

17th - 21st: Thi NAPLAN Khối 3, 5, 7 và 9 / NAPLAN test for Years 3, 5, 7, 9

24th - 28th: Cuộc thi World Scholar's Cup - Vòng khu vực / World Scholar's Cup - Regional round

25th - 31st: Kỳ thi ATAR - WACE 12 / ATAR - WACE 12 exam

THÁNG 04 / APRIL 2025

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

1st - 2nd: Kỳ thi ATAR - WACE 12 / ATAR - WACE 12 exam

7th: Giỗ Tổ Hùng Vương / Hung King Day

12th: Pink Day / Pink Day

12th - 13th: Triển lãm năm học / School Year Exhibition

14th - 29th: Thi cuối Học kỳ II - Chương trình MoET / End of Semester II exam - MoET Program

19th - 30th: Thi Tốt nghiệp - Chương trình IBDP / IBPD exam

30th: Lễ 30/4 / Liberation Day

THÁNG 05 / MAY 2025

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

1st: Quốc tế Lao động / Labour Day

2nd - 17th: Thi Tốt nghiệp - Chương trình IBDP / IBPD exam

5th - 9th: Thi Học kỳ II - Chương trình Bang Tây Úc / End of Semester II exam - WA Program

12th: Ngày của Mẹ / Mother's Day

14th: Giải đấu bóng đá / Soccer Tournament

19th - 21st: Tuần lễ chuyển tiếp / Transition Week

21st - 23rd: Lễ Tốt nghiệp / Graduation ceremony

24th: Dạ tiệc (Khối Phổ thông) / Prom (High school)

27th - 31st: Lễ Tổng kết / Closing ceremony